

## THE WAYS FORMING FASHION TERMINOLOGIES IN VIETNAMESE

**Hoang Thi Hue<sup>a</sup>**

**Le Thi Huong<sup>b</sup>**

<sup>a</sup> Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism  
Email: [hoangthihue@dvttd.edu.vn](mailto:hoangthihue@dvttd.edu.vn)

<sup>b</sup> Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism  
Email: [lethihuong@dvttd.edu.vn](mailto:lethihuong@dvttd.edu.vn)

Received: 04/11/2021

Reviewed: 09/11/2021

Revised: 10/11/2021

Accepted: 15/11/2021

Released: 20/11/2021

*Based on the surveyed data, the paper analyzed the ways forming fashion terminologies in Vietnamese. As a result, fashion terminologies in Vietnamese are formed by the four ways, namely terminologization, using the existing forms, direct borrowing from other languages and interdisciplinary borrowing. Each of the four ways has been clarified in terms of its characteristics to state how fashion terminologies in Vietnamese have been enriched and diversified.*

**Key words:** The way forming terminologies; Fashion terminology; Vietnamese

### 1. Đặt vấn đề

Trong tất cả các ngôn ngữ trên thế giới, việc hình thành các thuật ngữ đều bắt nguồn từ hai nguồn vốn từ ngữ chính: ngôn ngữ dân tộc và ngôn ngữ vay mượn. Theo cách hiểu của chúng tôi, con đường hình thành thuật ngữ là các phương hướng để xây dựng thuật ngữ. Mỗi con đường hình thành có các phương thức cấu tạo thuật ngữ khác nhau. Tuy nhiên, do đặc điểm của mỗi ngôn ngữ nên các con đường hình thành hệ thuật ngữ của ngôn ngữ này so với hệ thuật ngữ của ngôn ngữ khác cũng có điểm tương đồng và khác biệt nhất định.

### 2. Tổng quan nghiên cứu

Từ thập niên 1980, các nhà Việt ngữ đã đưa ra những phân tích cụ thể về con đường hình thành và phát triển thuật ngữ khoa học tiếng Việt.

Trong bài viết “Về sự hình thành và phát triển của thuật ngữ tiếng Việt” (1983), tác giả Hoàng Văn Hành cho rằng: Thuật ngữ tiếng Việt được hình thành từ ba con đường cơ bản: (1) Thuật ngữ hóa từ thông thường; (2) Cấu tạo những thuật ngữ tương ứng với những thuật ngữ nước ngoài bằng phương thức sao phỏng; (3) Mượn nguyên thuật ngữ nước ngoài, thường là những thuật ngữ có tính quốc tế [5; tr. 123].

Tuy nhiên, trong cuốn sách “Chuẩn hóa thuật ngữ khoa học tiếng Việt” (1984) bàn về phương thức chuẩn hóa thuật ngữ khoa học tiếng Việt, tác giả Lê Khả Kế chỉ ra hai con đường hình thành thuật ngữ tiếng Việt, đó là: (1) Đặt thuật ngữ trên cơ sở tiếng Việt; (2) Tiếp nhận thuật ngữ nước ngoài. Ông cho rằng: con đường thuật ngữ hóa từ thông thường và cấu tạo những thuật ngữ tương ứng với những thuật ngữ nước ngoài bằng phương thức sao phỏng thực ra chỉ là một [6].

Năm 2012, với sự ra đời của cuốn sách “Thuật ngữ học - Những vấn đề lí luận và thực tiễn” tác giả Hà Quang Năng và các cộng sự của ông đã phân tích ba con đường hình thành thuật ngữ tiếng Việt: (1) Thuật ngữ hóa từ thông thường; (2) Sao phỏng và dịch nghĩa; (3) Tiếp nhận thuật ngữ nước ngoài [9; tr. 119 - 136].

Kế thừa những nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước, Quách Thị Gấm (2014) trong luận án Tiến sĩ “Nghiên cứu thuật ngữ báo chí tiếng Việt” cho rằng sự nghiên cứu các phương thức cấu tạo thuật ngữ đang có sự trùng lặp và chồng chéo, vì thế tác giả đã đề xuất việc xây dựng thuật ngữ theo ba nguyên tắc cụ thể: (1) Dựa trên cơ sở tiếng Việt: Thuật ngữ hóa từ thông thường; (2) Dựa vào tiếng nước ngoài: giữ nguyên dạng và phiên âm; (3) Vừa dựa trên cơ sở tiếng Việt vừa dựa vào tiếng nước ngoài: sao phỏng và ghép lai [3; tr. 70 - 80].

Như vậy, các nghiên cứu của học giả trong nước cho thấy các thuật ngữ được hình thành dựa vào nguồn ngôn ngữ dân tộc và ngôn ngữ vay mượn.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

Trong bài viết này, chúng tôi phân tích cụ thể các con đường hình thành thuật ngữ thời trang tiếng Việt dựa trên cơ sở ngữ liệu khảo sát là 1.190 thuật ngữ. Đây là các thuật ngữ đã được chúng tôi nhận diện và lựa chọn theo các tiêu chuẩn thuật ngữ từ các từ điển, giáo trình chuyên ngành, sách báo, tạp chí về thời trang bằng tiếng Việt.

Phân tích các con đường hình thành của thuật ngữ thời trang trong tiếng Việt là vấn đề trọng tâm của bài viết. Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của ngôn ngữ học. Để giải quyết vấn đề trọng tâm của bài viết, chúng tôi sử dụng các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu sau đây:

(1) *Phương pháp miêu tả* được sử dụng nhằm miêu tả các đặc điểm về con đường hình thành hệ thuật ngữ thời trang trong tiếng Việt.

(2) *Thủ pháp thống kê* được sử dụng để hệ thống hóa các số liệu thuật ngữ thời trang tiếng Việt: thống kê từ loại, tính tỉ lệ % các yếu tố tạo thành thuật ngữ... Các bảng biểu thống kê sẽ tổng hợp các dữ liệu đã khảo sát được, nhằm thể hiện rõ nét hơn các đặc trưng cơ bản của thuật ngữ thời trang tiếng Việt trên phương diện con đường hình thành. Những số liệu khảo sát sẽ được phân tích và đánh giá để làm cơ sở cho những kết luận và kiến giải về các kết quả nghiên cứu của bài viết.

Ngoài các phương pháp và thủ pháp như đã nêu trên, bài viết còn sử dụng một số phương pháp khác như mô hình hóa và lập bảng biểu để minh họa cho các kết quả nghiên cứu.

### **4. Nội dung nghiên cứu**

#### **4.1. Khái niệm về thời trang**

Theo *Từ điển tiếng Việt* (2003), khái niệm *thời trang* được hiểu một cách ngắn gọn hơn, đó là “cách ăn mặc, trang điểm trong xã hội trong một thời gian nào đó” [11; tr. 956]. Như vậy, có thể hiểu thời trang là một phong cách thịnh hành về trang phục, giày dép, phụ kiện, trang điểm, kiểu tóc. Bên cạnh đó, thời trang thể hiện những sáng tạo mới nhất của các nhà thiết kế trên trang phục, giày dép, phụ kiện, trang sức, cách trang điểm và kiểu tóc.

Trong khuôn khổ của bài viết này, khái niệm *thời trang* được áp dụng để nghiên cứu về các thuật ngữ chỉ những phong cách, xu hướng, kiểu dáng phổ biến và hiện đại của trang phục mặc ngoài, giày dép, phụ kiện, trang sức cũng như các thuật ngữ chỉ con người, sự vật, sự kiện, chất liệu và hoạt động liên quan đến thời trang; không áp dụng đối với nghiên cứu về các thuật ngữ về trang phục lót, đồ bơi, trang điểm và tóc.

#### **4.2. Khái niệm về thuật ngữ thời trang**

Trước khi tìm hiểu nội hàm thuật ngữ thời trang, chúng ta xác định khái niệm về thuật ngữ. Định nghĩa về thuật ngữ, tác giả Đỗ Hữu Châu (1998) giải thích: “Thuật ngữ là từ chuyên môn được sử dụng trong phạm vi một ngành khoa học, một nghề nghiệp, hoặc một ngành kỹ thuật nào đó... Đặc tính của những từ này là phải cố gắng chỉ có một nghĩa, biểu thị một khái niệm hay chỉ tên một sự vật, một hiện tượng khoa học, kỹ thuật nhất định.” [1; tr. 167]. Còn tác giả Nguyễn Đức Tôn (2012) thì nêu những đặc trưng bản chất của thuật ngữ: “Thuật ngữ là từ ngữ biểu hiện một khái niệm hoặc một đối tượng trong một phạm vi, một lĩnh vực khoa học hoặc chuyên môn.” [10; tr. 13]

Như vậy, các tác giả nghiên cứu về thuật ngữ đều có chung nhận định rằng: về mặt hình thức, thuật ngữ là một từ hoặc một cụm từ; về mặt nội dung, thuật ngữ biểu đạt khái niệm của ngành khoa học hoặc một lĩnh vực chuyên môn nào đó. Chúng tôi tiếp thu quan điểm của các nhà khoa học và đưa ra khái niệm thuật ngữ một cách ngắn gọn như sau: “Thuật ngữ là những từ hoặc ngữ biểu thị khái niệm về sự vật, hiện tượng của một ngành khoa học hoặc một lĩnh vực chuyên môn nào đó”. Đồng thời, kết hợp với sự nghiên cứu về những nội dung cơ bản của ngành thời trang, chúng tôi trình bày khái niệm thuật ngữ thời trang như sau: “Thuật ngữ thời trang là những từ, cụm từ biểu thị các khái niệm, đối tượng, sự vật, hiện tượng, tính chất, hoạt động... của ngành thời trang”. Định nghĩa này sẽ là cơ sở để chúng tôi tiếp tục nghiên cứu các nội dung tiếp theo trong bài viết.

#### **4.3. Con đường hình thành thuật ngữ thời trang tiếng Việt**

Sau khi khảo sát, nghiên cứu và tiếp thu những quan điểm nhìn nhận đánh giá các vấn đề khoa học của các nhà khoa học đi trước, chúng tôi thống nhất xác định thuật ngữ thời trang tiếng Việt được hình thành từ các con đường:

- (1) Thuật ngữ hóa từ ngữ thông thường
- (2) Tạo thuật ngữ mới trên cơ sở ngữ liệu vốn có
- (3) Vay mượn thuật ngữ tiếng nước ngoài
- (4) Vay mượn thuật ngữ khoa học liên ngành

##### **4.3.1. Thuật ngữ hóa từ thông thường**

Từ thông thường chính là vốn từ được toàn dân sử dụng một cách rộng rãi và phổ biến trong mọi lĩnh vực đời sống. Con đường thuật ngữ hóa từ thông thường chính là sự chất lọc vốn từ toàn dân để xây dựng nên các thuật ngữ.

Bàn về vấn đề này, tác giả Hà Quang Năng (2012) cho rằng: Thuật ngữ hóa từ thông thường là phương thức phổ biến và phát triển nghĩa của từ để tạo ra một nghĩa mới (nghĩa thuật ngữ). Thực chất, nghĩa thuật ngữ đó là một nghĩa phái sinh trên cơ sở nghĩa ban đầu của từ ngữ thông thường hoặc trên cơ sở một hay một vài nét nghĩa cơ bản trong cấu trúc biểu niệm của từ [9; tr. 123].

Như vậy, con đường thuật ngữ hóa từ thông thường trong hệ thống thuật ngữ thời trang tiếng Việt chính là sự phát triển nghĩa của từ dựa trên cơ sở của những từ sẵn có. Bằng con đường này, người Việt đã dùng các từ thông thường có sẵn, giữ nguyên phần ngữ âm và được sử dụng chúng như những thuật ngữ khoa học của ngành thời trang. Các thuật ngữ thời trang tiếng Việt được hình thành từ lớp từ ngữ quen thuộc trong đời sống hàng ngày sẽ tạo ra sự dễ hiểu và gần gũi đối với chúng ta bởi vì: khi lớp từ toàn dân trở thành thuật ngữ, ý nghĩa của nó được chuyên môn hóa, tính hình tượng và giá trị gợi cảm mất đi, những mối liên hệ mới xuất hiện.

Con đường thuật ngữ hóa từ thông thường trong tiếng Việt cũng chính là sự phát triển nghĩa của từ toàn dân để tạo ra nghĩa thuật ngữ (nghĩa phái sinh). Từ quá trình nghiên cứu sự hình thành của các thuật ngữ tiếng Việt trong các ngành khoa học khác nói chung và ngành thời trang nói riêng, chúng tôi nhận thấy, sự phát triển nghĩa của từ thông thường nhằm tạo thành nghĩa phái sinh (nghĩa thuật ngữ) được dựa trên hai phép tu từ trong tiếng Việt, đó là phép tu từ *ẩn dụ* và phép tu từ *hoán dụ*. Theo đó, dựa trên mối quan hệ tương đồng hoặc tương cận về các thuộc tính của sự vật... được phản ánh trong khái niệm do từ ngữ biểu thị, nghĩa của từ thông thường sẽ được chuyển thành nghĩa của thuật ngữ, hay nghĩa phái sinh.

Mối quan hệ dựa theo sự liên tưởng tương đồng về các thuộc tính của sự vật sẽ cho phép nghĩa của các từ thông thường được chuyển thành nghĩa của thuật ngữ theo phép ẩn dụ. Ví dụ: *cảm hứng* trong *cảm hứng thiết kế*; *cá tính* trong *cá tính trang phục*... Theo đó, với nghĩa thông thường, *cảm hứng* là “trạng thái tâm lí có cảm xúc và hết sức hứng thú, tạo điều kiện để óc tưởng tượng, sáng tạo hoạt động có hiệu quả” [13]. Theo nghĩa phái sinh (nghĩa thuật ngữ trong lĩnh vực thời trang), *cảm hứng* là nguồn ý tưởng sáng tạo trong nghệ thuật. Do vậy, *cảm hứng thiết kế* được dùng để chỉ ý tưởng sáng tạo trong nghệ thuật thiết kế thời trang. Còn *cá tính* có nghĩa gốc là “những đặc trưng tâm lí của cá nhân, bao gồm tính cách, sở thích...” [13]. Hiểu theo nghĩa thuật ngữ trong lĩnh vực thời trang, *cá tính trang phục* được hiểu là những *nét đặc trưng riêng biệt của trang phục*.

Mối quan hệ dựa theo sự liên tưởng tương cận và gần gũi về các thuộc tính của sự vật, hiện tượng sẽ dẫn đến sự chuyển nghĩa của từ thông thường thành nghĩa thuật ngữ theo phép hoán dụ. Ví dụ: *cánh sen* trong *cổ cánh sen*; *thu đông* trong *thiết kế thu đông*... Theo đó, *cánh sen* đã được dùng để gọi tên loại cổ áo có hình dạng tương tự cánh của hoa sen - một loài hoa rất quen thuộc trong đời sống của người Việt Nam. Với thuật ngữ *cổ cánh sen*, người Việt đã lựa chọn sự tương đồng về hình dáng của sự vật, hiện tượng (*cánh sen*) để đặt tên cho đối

tượng trong lĩnh vực thời trang (*cổ áo*). Còn *thu đông* có nghĩa là gốc là khoảng thời gian tính theo mùa thời tiết trong một năm (từ mùa thu đến mùa đông) - khoảng 6 tháng. Với thuật ngữ *thiết kế thu đông*, con người đã sử dụng tên gọi mùa thời gian sử dụng sản phẩm (*thu đông*) để đặt tên cho sản phẩm thời trang theo mùa thời gian đó (*thiết kế*).

Theo khảo sát của chúng tôi, có 386/1.190 thuật ngữ thời trang tiếng Việt (chiếm tỉ lệ 32,43%) được hình thành từ con đường thuật ngữ hóa từ thông thường. Trong đó, có thể nhận thấy rõ, số lượng thuật ngữ thời trang được hình thành theo phép ẩn dụ (227/1.190 thuật ngữ, chiếm tỉ lệ 19,07%) nhiều hơn số lượng thuật ngữ thời trang được hình thành theo phép hoán dụ (159/1.190 thuật ngữ, chiếm tỉ lệ 13,36%) xuất phát từ cách nhìn nhận sự vật, hiện tượng của người Việt. Hay nói đúng hơn, người Việt nhìn, định vị và đánh giá sự vật, hiện tượng theo cảm quan thiên về hình thức nhiều hơn là về chức năng của sự vật hiện tượng đó. Do vậy, nhiều các thuật ngữ thời trang tiếng Việt đã được hình thành theo con đường thuật ngữ hóa từ thông thường dựa trên mối quan hệ tương đồng (phép ẩn dụ).

Tóm lại, con đường thuật ngữ hóa từ thông thường là sự di chuyển nghĩa của một từ hoặc một ngữ trong lớp từ toàn dân thành một từ hoặc một ngữ chứa đựng một lớp nghĩa xác định trong một lĩnh vực chuyên môn hoặc một ngành khoa học nào đó. Sự phái sinh nghĩa từ được dựa vào những nét tương đồng và tương cận giữa các sự vật và hiện tượng. Con đường thuật ngữ hóa từ thông thường đã góp phần làm phong phú và đa dạng hệ thống thuật ngữ của nhiều ngành khoa học nói chung và hệ thuật ngữ thời trang tiếng Việt nói riêng.

#### 4.3.2. Tạo thuật ngữ mới trên cơ sở ngữ liệu vốn có

Bên cạnh con đường thuật ngữ hóa từ thông thường, thuật ngữ thời trang tiếng Việt còn được hình thành và phát triển về số lượng từ con đường tạo thuật ngữ mới trên cơ sở ngữ liệu vốn có bằng phương thức ghép từ.

Theo nhóm tác giả Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (1997): phương thức ghép là phương thức tổ hợp các hình vị (tiếng) lại với nhau, mà giữa các hình vị có quan hệ về nghĩa với nhau [2; tr. 142 - 152]. Theo đó, phương thức ghép trong tiếng Việt cũng tạo ra các từ ghép và cụm từ (tổ hợp từ) định danh. Theo đó, thuật ngữ thời trang tiếng Việt là từ ghép sẽ được tạo ra bằng sự kết hợp của hai hình vị tự do với nhau. Bên cạnh đó, thuật ngữ thời trang tiếng Việt là cụm từ định danh sẽ được hình thành bằng sự kết hợp của một hình vị tự do với (các) từ khác. Theo khảo sát của chúng tôi, có 287/1.190 thuật ngữ thời trang tiếng Việt (chiếm tỉ lệ 24,11) được hình thành từ phương thức ghép, trong đó có 126 thuật ngữ là từ ghép và 161 thuật ngữ là cụm từ định danh.

Theo nguyên tắc cấu tạo từ tiếng Việt, từ ghép bao gồm từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập. Đối với các thuật ngữ thời trang là từ ghép chính phụ, các ngữ tố cấu tạo phụ thuộc vào nhau, ngữ tố chính được bổ trợ về mặt ý nghĩa bởi ngữ tố phụ, ví dụ: *thảm đỏ, giày bệt,...* Theo đó, *thảm* và *giày* được xác định là ngữ tố chính, kết hợp với các ngữ tố phụ là *đỏ* và *bệt* để tạo nên các thuật ngữ thời trang tiếng Việt là từ ghép chính phụ. Trong các thuật ngữ thời trang là từ ghép đẳng lập, các ngữ tố cấu tạo có mối quan hệ bình đẳng với nhau, ví dụ: *phối trộn, pha trộn,...*

Cụm từ định danh thực chất là những cụm từ có chức năng gọi tên sự vật. Mỗi cụm từ định danh có chứa một ngữ tố chính và một vài ngữ tố phụ miêu tả đối tượng/sự vật được nêu ở ngữ tố chính, ví dụ: *túi xách quai đeo chéo, đầm xòe cúp ngực...* Theo đó, ngữ tố chính (*túi* và *đầm*) đã kết hợp với các ngữ tố phụ (*xách, quai đeo chéo* và *xòe, cúp ngực*) để tạo nên các thuật ngữ thời trang tiếng Việt là cụm từ định danh.

Có thể nói, phương thức ghép từ trong tiếng Việt thực chất là tạo từ mới dựa trên ngữ liệu ngôn ngữ tiếng Việt sẵn có. Con đường này đã góp phần xây dựng và phát triển hệ thuật ngữ thời trang tiếng Việt ngày càng phong phú và đa dạng.

#### 4.3.3. Vay mượn thuật ngữ tiếng nước ngoài

Sự phát triển không ngừng của ngành thời trang trên thế giới cũng như ở Việt Nam luôn gắn liền với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và khoa học kỹ thuật... đã đặt con người vào tình thế phải luôn trang bị đầy đủ tri thức, kịp thời tiếp thu cái mới nếu không muốn bị tụt hậu lại phía sau. Do vậy, sự vay mượn và sử dụng những từ có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài trong hệ thống thuật ngữ thời trang tiếng Việt là một thực tế tất yếu khách quan. Khối lượng tri thức và khái niệm mới về thời trang mà chúng ta cần phải tiếp nhận là vô hạn, trong khi đó khả năng biểu đạt của tiếng Việt lại có hạn, không đủ vốn từ để biểu thị số lượng lớn những khái niệm về thời trang như vậy. Hoặc nếu có thể, đưa ra một từ tương ứng trong tiếng Việt, chúng ta phải mất rất nhiều thời gian. Tốc độ phát triển ngành thời trang cũng như sự thay đổi liên tục không cho phép chúng ta có nhiều thời gian để làm quen. Những từ mượn có khả năng đáp ứng ngay lập tức những nhu cầu biểu hiện đa dạng của con người trong lĩnh vực thời trang mà tiếng Việt vào thời điểm ra đời của một mẫu thời trang nào đó, vì một số lý do không thể làm được. Nhờ có sự vay mượn này mà chúng ta thấy các thuật ngữ nước ngoài gốc Ấn Âu (tiếng Pháp, tiếng Anh) và thuật ngữ gốc Hán có mặt và được sử dụng rộng rãi hệ thống thuật ngữ thời trang tiếng Việt. Có thể nói, hiện tượng vay mượn từ vựng là “hiện tượng phổ biến của mọi ngôn ngữ”, là “một trong những phương thức quan trọng để bổ sung vốn từ vựng của một ngôn ngữ”, là “hiện tượng của ngôn ngữ học xã hội” và “hiện tượng ngôn ngữ - văn hóa” [7; tr. 10].

Theo khảo sát của chúng tôi, hiện nay hệ thuật ngữ thời trang tiếng Việt có sự du nhập số lượng lớn các thuật ngữ gốc Ấn - Âu (tiếng Anh, tiếng Pháp) và các thuật ngữ gốc Hán. Xuất hiện các thuật ngữ vay mượn gốc tiếng Anh như: *mốt (mode), mix*; các thuật ngữ vay mượn gốc tiếng Pháp như: *cà vạt (caravate), áo sơ mi (chemise), tay áo măng sét (manchette)*; các thuật ngữ vay mượn từ cả tiếng Anh và tiếng Pháp như: *dép sandan (sandals, sandale), vải cô-tông (cotton, coton)*. Bên cạnh đó, còn có sự hiện diện của nhiều thuật ngữ vay mượn gốc Hán như: *thiết kế đơn sắc* (các mẫu quần áo một màu), *mỹ ký* (đồ trang sức bằng vàng bạc giả)...

Con đường vay mượn thuật ngữ nước ngoài vào thuật ngữ thời trang tiếng Việt được thể hiện qua các hình thức: phiên âm, sao phỏng, ghép lại và giữ nguyên dạng thuật ngữ nước ngoài.

##### 4.3.3.1. Phiên âm

Theo *Từ điển tiếng Việt* (2003) thì phiên âm là “ghi lại cách phát âm các từ ngữ của một ngôn ngữ bằng hệ thống kí hiệu riêng hoặc bằng hệ thống chữ cái của một ngôn ngữ khác” [11; tr. 779]. Đây là hình thức mượn nguyên cách phát âm nước ngoài và giữ nguyên cách viết con chữ. Tuy nhiên, hầu hết các thuật ngữ vay mượn kiểu này đều được phát âm không

giống như phát âm trong thuật ngữ gốc vì đã được điều chỉnh để gần với cách phát âm trong thuật ngữ đi vay. Cụ thể, trong hệ thống các thuật ngữ thời trang vay mượn của tiếng Việt, một số thuật ngữ trong tiếng Anh và tiếng Pháp tuy giữ nguyên dạng chữ viết nhưng đã được phát âm khác so với cách phát âm trong thuật ngữ gốc, khác phần nguyên âm, hoặc các phụ âm cuối thường bị lược bỏ để gần giống với cách phát âm các phụ âm cuối của tiếng Việt.

Theo thống kê từ kết quả khảo sát của chúng tôi, trong hệ thuật ngữ thời trang tiếng Việt, các thuật ngữ vay mượn dưới hình thức phiên âm xuất hiện không nhiều, hiện có 11/1.190 thuật ngữ, chiếm tỉ lệ 0,92%. Do chưa có sự thống nhất trong nguyên tắc xử lý thuật ngữ vay mượn tiếng nước ngoài nói chung cũng như thuật ngữ thời trang nói riêng được đọc và viết dưới nhiều dạng thức khác nhau. Trong số các thuật ngữ được chúng tôi sử dụng làm ngữ liệu nghiên cứu, có thuật ngữ viết rời từng âm tiết và có gạch nối giữa các âm tiết, cũng có thuật ngữ viết rời từng âm tiết nhưng không có gạch nối. Chúng tôi trình bày các ví dụ cụ thể trong bảng 1 như sau:

**Bảng 1: Thuật ngữ thời trang tiếng Việt vay mượn theo hình thức phiên âm**

Thuật ngữ tiếng Anh	Thuật ngữ tiếng Pháp	Thuật ngữ Tiếng Việt
<i>Mannequin</i>	<i>mannequin</i>	manocanh/ ma nơ canh
<i>Sandals</i>	<i>sandale</i>	xăng- đan/ săng đan
<i>Catalogue</i>	<i>catalogue</i>	ca ta lô / ca tác lô
	<i>caravate</i>	cà vạt/ ca vát/ ca-vát
	<i>Veston</i>	vét- tông/vét tong
	<i>manteau</i>	măng-tô/ măng tô
<i>Mode</i>		mốt
	<i>Dame</i>	đầm
<i>Ribbon</i>		ruy băng
	<i>Civil</i>	sơ vin
<i>Tone</i>		Tong

Khi các thuật ngữ nước ngoài được du nhập vào hệ thuật ngữ thời trang tiếng Việt, các đơn vị từ ngữ nguồn gốc Ấn - Âu gần như không diễn ra sự biến đổi rõ rệt về nghĩa. Tuy nhiên, vấn đề phiên âm các thuật ngữ vay mượn từ tiếng nước ngoài chưa thực sự được quan tâm hàng đầu, bởi vì cơ cấu âm thanh trong các thuật ngữ Ấn - Âu khác hẳn so với cơ cấu âm thanh của tiếng Việt. Có nghĩa là, các từ được phân chia thành những âm tiết tách rời (nếu là từ nhiều âm tiết) và phát âm theo cơ cấu ngữ âm của âm tiết tiếng Việt. Để thuận lợi trong việc phiên âm các thuật ngữ nước ngoài du nhập vào tiếng Việt, người Việt đã thêm thanh điệu cho các âm tiết đó, bỏ bớt âm trong các tổ hợp phụ âm, hoặc lại chuyển âm này thành âm khác cho phù hợp với cách phát âm của người Việt, ví dụ: *dame* - đầm, *veston* - vét tông,...

Bên cạnh đó, độ dài của các thuật ngữ vay mượn gốc Ấn - Âu thường được rút ngắn bớt và cấu trúc hóa thành số lượng âm tiết đơn giản như trong tiếng Việt, ví dụ: *mode* - mốt, *caravate* - ca vát...

4.3.3.2. Sao phỏng

Theo Nguyễn Như Ý (1996), sao phỏng là cách “cấu tạo một ngữ, một từ mới hay một nghĩa mới của từ bằng cách chuyển y nguyên một đơn vị ngoại tương ứng sang tiếng mẹ đẻ.” [12; tr. 210].

Có thể hiểu, sao phỏng là hình thức cấu thành thuật ngữ trong đó sử dụng các yếu tố và mô hình cấu tạo từ của tiếng Việt để dịch nghĩa các thuật ngữ tương ứng trong tiếng nước ngoài. Nếu xét về mặt hình thức ngôn ngữ, có thể coi đây là các thuật ngữ tạo mới trong tiếng Việt. Còn xét về mặt nội dung, khái niệm khoa học do các thuật ngữ này biểu thị thì chúng là thuật ngữ quốc tế. Do vậy, các thuật ngữ được tạo ra theo hình thức sao phỏng phải thể hiện rõ sự thống nhất giữa tính dân tộc và tính quốc tế của thuật ngữ.

Có hai hình thức sao phỏng: sao phỏng cấu tạo từ và sao phỏng ngữ nghĩa. Sao phỏng cấu tạo từ là “quá trình dùng chất liệu của tiếng Việt để cấu tạo một đơn vị từ vựng theo mô hình kết cấu của đơn vị tương ứng trong tiếng nước ngoài. Thực chất của phương thức này là dịch từng thành tố cấu tạo thuật ngữ hoặc từng từ trong thành phần cấu tạo thuật ngữ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt” [9; tr. 129]. Còn sao phỏng ngữ nghĩa là “quá trình dịch khi người dịch không tìm được từ ngữ trong tiếng mẹ đẻ có ý nghĩa tương đương với từ ngữ nước ngoài cần dịch, do đó người dịch phải tạo ra một từ ngữ khác trong ngôn ngữ của mình để diễn đạt ý nghĩa mới mẻ đó” [9; tr. 129].

Theo khảo sát của chúng tôi, thuật ngữ thời trang tiếng Việt được vay mượn thông qua hình thức sao phỏng từ các thuật ngữ thời trang tiếng Anh và tiếng Pháp. Chúng tôi chỉ khảo sát thấy 163/1.190 thuật ngữ (chiếm tỉ lệ 13,69 %) được hình thành thông qua con đường vay mượn theo hình thức sao phỏng. Trong số đó, 117 thuật ngữ thời trang tiếng Việt đã được tạo ra bằng cách *sao phỏng cấu tạo từ* từ tiếng Anh. Một điều dễ nhận thấy là các thuật ngữ thời trang tiếng Việt được tạo ra theo hình thức sao phỏng cấu tạo từ có tính hệ thống cao vì chúng đã được Việt hóa phù hợp cả về ngữ âm, chính tả và ngữ pháp, đồng thời những thuật ngữ này có khả năng phái sinh mạnh. Chúng tôi trình bày một số ví dụ cụ thể trong bảng 2 như sau:

**Bảng 2: Thuật ngữ thời trang tiếng Việt vay mượn theo hình thức saophỏng cấu tạo từ**

Thuật ngữ tiếng Anh	Thuật ngữ tiếng Việt
<i>wedge shoes</i>	giày đế xuông
<i>princess dress</i>	đầm công chúa
<i>oversized coat</i>	áo khoác quá khổ
<i>leather jacket</i>	áo khoác da
<i>creative director</i>	giám đốc sáng tạo

Có 46 thuật ngữ thời trang tiếng Việt được tạo ra theo hình thức *sao phỏng ngữ nghĩa* từ tiếng Anh. Các ví dụ minh họa được trình bày cụ thể trong bảng sau:

**Bảng 3: Thuật ngữ thời trang tiếng Việt vay mượn theo hình thức sao phỏng ngữ nghĩa**

Thuật ngữ tiếng Anh	Thuật ngữ tiếng Việt
<i>Jumpsuit</i>	áo liền quần
<i>old-school</i>	trường phái cổ điển (trang phục)

<i>A-line</i>	dáng chữ A (váy hoặc đầm cắt theo hình chữ A, hẹp ở phía trên và xòe rộng ở phía dưới)
<i>black tie dinner</i>	bữa tiệc thời trang dành cho quý ông

Bản chất của hình thức sao phỏng là tạo ra những thuật ngữ có tính chính xác về nội dung khái niệm và tính ngắn gọn về hình thức. Các thuật ngữ thời trang được hình thành theo hình thức sao phỏng sẽ tránh được lối giải thích nghĩa khái niệm một cách rườm rà, dài dòng, đồng thời đảm bảo tính cô đọng, súc tích và trong sáng của từ ngữ tiếng Việt. Tuy nhiên, đối với việc sao phỏng, nhất là sao phỏng ngữ nghĩa, cần phải đảm bảo hai tiêu chí: *thứ nhất*, người dịch phải hiểu biết sâu sắc, rộng rãi về kiến thức và bản chất khái niệm thời trang; *thứ hai*, người dịch phải tìm được thuật ngữ tiếng Việt phù hợp với thuật ngữ vay mượn tiếng nước ngoài. Số lượng thuật ngữ thời trang ít ỏi được tạo ra từ phương thức sao phỏng ngữ nghĩa có thể xuất phát từ nhiều lí do khác nhau. Trong đó, lí do chính là người dịch phải cố gắng nghĩ ra một từ ngữ khác trong tiếng Việt để diễn đạt nghĩa chuyên ngành khi họ không tìm được từ ngữ trong tiếng mẹ đẻ có ý nghĩa tương đương với từ ngữ nước ngoài cần dịch. Thêm vào đó, người dịch phải vừa có kiến thức sâu về chuyên ngành thời trang vừa có kiến thức về ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì mới có thể tạo ra những thuật ngữ thời trang chính xác về mặt ngữ nghĩa theo phương thức sao phỏng.

#### 4.3.3.3. Ghép lại

Bên cạnh sao phỏng - một hình thức hình thành thuật ngữ khá quen thuộc và phổ biến thì ghép lại cũng là một phương thức hình thành thuật ngữ khác có hiệu quả. Tác giả Nguyễn Thiện Giáp (2008) đã gọi từ ghép lại là từ mượn hỗn hợp và ông coi hình thức ghép lại là một hình thức hình thành thuật ngữ mà trong đó “một phần hình thức là bản ngữ, một phần là mượn, nhưng ý nghĩa hoàn toàn là mượn” [4; tr.234]. Có thể hiểu, ghép lại là hình thức tạo thành thuật ngữ mới bằng cách kết hợp cả yếu tố tiếng Việt và yếu tố tiếng nước ngoài (đã phiên âm hoặc giữ nguyên dạng). Sở dĩ người Việt phải sử dụng hình thức ghép lại để hình thành thuật ngữ bởi vì “chưa tìm được từ tiếng Việt thích hợp để dịch thuật ngữ hoặc có thể đã tìm được từ tiếng Việt để dịch thuật ngữ nhưng ngữ này quá dài, và khi sử dụng hình thức này, người không biết ngoại ngữ vẫn có điều kiện cập nhật vốn thuật ngữ của mình” [8; tr. 52].

Theo khảo sát của chúng tôi, có 308/1.190 thuật ngữ thời trang tiếng Việt được hình thành từ hình thức ghép lại (chiếm tỉ lệ 25,88%). Ví dụ: áo *ba - đờ - xuy*, *gam* màu, làng *mốt*,...

Các thuật ngữ được hình thành từ hình thức ghép lại đã góp phần làm phong phú vốn thuật ngữ thời trang trong tiếng Việt. Hiện nay, ghép lại đã trở thành một trong những hình thức hình thành thuật ngữ khá phổ biến và có xu hướng ngày càng gia tăng bởi vì ngành thời trang đang ngày càng phát triển và số lượng thuật ngữ của ngành này cũng không ngừng tăng lên. Theo đó, con người luôn thể hiện mong muốn được cập nhật và bắt kịp những khái niệm mới về thời trang.

#### 4.3.3.4. Giữ nguyên dạng thuật ngữ tiếng nước ngoài

Hình thức vay mượn bằng cách giữ nguyên dạng thuật ngữ nước ngoài được áp dụng khi trong hệ thống tiếng Việt chưa có từ ngữ hoặc khái niệm tương ứng để phản ánh hoàn

toàn chính xác khái niệm của thuật ngữ gốc. Theo xu thế phát triển các ngành công nghiệp hiện nay, trong đó có ngành thời trang, các sản phẩm thời trang mới gắn liền với dòng chảy thị hiếu của con người đã liên tục được cập nhật, giới thiệu và quảng bá. Người Việt, đặc biệt là giới trẻ, cũng hòa chung vào xu thế này bằng sự tiếp nhận những dòng thời trang mang luồng hơi thở mới với những thuật ngữ giữ nguyên dạng tiếng nước ngoài (chủ yếu là tiếng Anh).

Tuy nhiên, với 1.190 thuật ngữ tiếng Việt thu thập được, chúng tôi chỉ khảo sát được 02 thuật ngữ vay mượn theo hình thức giữ nguyên dạng thuật ngữ (chiếm tỉ lệ 0,15%).

**Bảng 4: Thuật ngữ thời trang tiếng Việt vay mượn theo hình thức giữ nguyên dạng**

Thuật ngữ tiếng Anh	Thuật ngữ tiếng Việt
Mix	Mix
Combo	Combo

4.3.4. Vay mượn thuật ngữ khoa học liên ngành

Tương tự như trong tiếng Anh, thuật ngữ thời trang trong tiếng Việt cũng có vay mượn từ một số thuật ngữ của các ngành khoa học khác. Theo khảo sát của chúng tôi, sự xuất hiện của những thuật ngữ vay mượn từ ngành khoa học khác không nhiều với 33/1.190 thuật ngữ (chiếm tỉ lệ 2,77%). Chúng tôi trình bày số liệu khảo sát như sau:

**Bảng 5: Thuật ngữ thời trang tiếng Việt vay mượn thuật ngữ khoa học liên ngành**

Ngành khoa học	Thuật ngữ vay mượn	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Văn hóa	<i>bản sắc thiết kế</i>	01	0,08
Hội họa	<i>phổ màu, phối màu...</i>	15	1,26
Âm nhạc	<i>bản giao hưởng</i> thời trang, <i>biến tấu</i> phong cách...	10	0,84
Xây dựng	<i>phối trộn, pha trộn</i>	02	0,16
Thương mại	<i>thương hiệu cao cấp, dòng sản phẩm xu hướng</i>	05	0,42
<b>Tổng</b>		<b>33/1.190</b>	

Có thể nhận thấy, thuật ngữ thời trang tiếng Việt có sự tiếp nhận nguồn vay mượn từ nhiều ngành khoa học khác nhau. Có thể nhận thấy, số lượng thuật ngữ của ngành âm nhạc và hội họa được gia nhập nhiều nhất. Bởi lẽ, thời trang cũng là một ngành nghệ thuật và sự phát triển của nghệ thuật cũng đã mang lại những tác động tích cực đến thời trang. Vì vậy, thời trang mang tính chất đặc trưng của ngành nghệ thuật. Theo đó, các thuật ngữ từ ngành âm nhạc và hội họa có xu hướng ngày càng được tiếp nhận nhiều hơn vào hệ thống thuật ngữ thời trang và đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực này.

Với kết quả nghiên cứu và phân tích ở trên, chúng tôi có sự tổng hợp về các con đường hình thành thuật ngữ thời trang tiếng Việt như sau:

**Bảng 6: Con đường hình thành thuật ngữ thời trang tiếng Việt**

TT	Con đường hình thành	Hình thức cấu tạo	Số lượng thuật ngữ	Tỉ lệ (%)
1	Thuật ngữ hóa từ thông thường		386	32,43
2	Tạo thuật ngữ mới trên cơ sở ngữ liệu vốn có	ghép từ	287	24,11
3	Vay mượn thuật ngữ tiếng nước ngoài	phiên âm	11	0,92
		sao phỏng	163	13,69
		ghép lai	308	25,88
		giữ nguyên dạng	02	0,15
4	Vay mượn thuật ngữ khoa học liên ngành		33	2,77
<b>Tổng</b>			<b>1.190</b>	

### 5. Thảo luận

Như vậy, thuật ngữ thời trang tiếng Việt được hình thành từ các con đường cơ bản: thuật ngữ hóa từ thông thường, vay mượn thuật ngữ tiếng nước ngoài và vay mượn thuật ngữ khoa học liên ngành. Trong đó, thuật ngữ hóa từ thông thường (386/1.190 thuật ngữ, chiếm tỉ lệ 32,43%) là con đường chủ đạo để làm gia tăng vốn từ tiếng Việt trong lĩnh vực thời trang. Bên cạnh đó, thuật ngữ thời trang tiếng Việt cũng được xây dựng và phát triển dựa vào con đường tạo thuật ngữ mới trên cơ sở ngữ liệu tiếng Việt sẵn có bằng phương thức ghép từ. Con đường này đã tạo nên 287 thuật ngữ là từ ghép và cụm từ định danh (chiếm tỉ lệ 24,11%). Thuật ngữ thời trang tiếng Việt còn được hình thành thông qua con đường vay mượn thuật ngữ nước ngoài với các hình thức: phiên âm (11/1.190 thuật ngữ, chiếm tỉ lệ 0,92%), sao phỏng (163/1.190 thuật ngữ, tỉ lệ 13,69%), ghép lai (308/1.190 thuật ngữ, chiếm tỉ lệ 25,88%), giữ nguyên dạng thuật ngữ nước ngoài (02/1.190 thuật ngữ, chiếm tỉ lệ 0,15%). Có thể nhận thấy, hình thức ghép lai tạo ra số lượng thuật ngữ vay mượn nhiều nhất trong tổng số 1.190 thuật ngữ thời trang tiếng Việt, đã thể hiện xu thế tất yếu của sự phát triển lĩnh vực thời trang hiện nay. Bên cạnh đó, trong hệ thống thuật ngữ thời trang còn có sự hiện diện của các thuật ngữ vay mượn từ các ngành khoa học khác, tuy nhiên số lượng không đáng kể (33/1.190 thuật ngữ, chiếm tỉ lệ 2,77%).

### 6. Kết luận

Có thể nói, những con đường hình thành thuật ngữ chính là các phương hướng để xây dựng và phát triển các hệ thuật ngữ khoa học nói chung và thuật ngữ thời trang trong tiếng Việt nói riêng. Việc nghiên cứu các con đường và phương thức hình thành thuật ngữ cho phép chúng ta hiểu sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa tư duy, vai trò của tư duy, của sự nhận thức và sự tiến bộ xã hội đối với sự phát triển ngôn ngữ thông qua việc diễn đạt các khái niệm thuộc lĩnh vực khoa học. Như vậy, những con đường hình thành thuật ngữ đã làm giàu vốn từ, làm giàu tri thức và cách thức tư duy của con người về ngôn ngữ hiện đại ngày nay.

**Tài liệu tham khảo**

- [1]. Đỗ Hữu Châu (1998), *Cơ sở ngữ nghĩa khoa học từ vựng*, NXB Giáo dục.
- [2]. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (1997), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
- [3]. Quách Thị Gấm (2014), *Nghiên cứu thuật ngữ báo chí tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học Xã hội.
- [4]. Nguyễn Thiện Giáp (2008), *Giáo trình Ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5]. Hoàng Văn Hành (1983), *Về sự hình thành và phát triển của thuật ngữ tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4.
- [6]. Lê Khả Kế (1984), *Chuẩn hóa thuật ngữ khoa học tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
- [7]. Nguyễn Văn Khang (2007), *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
- [8]. Mai Thị Loan (2011), *Thống nhất các yêu cầu của một thuật ngữ chuẩn*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Ngoại ngữ 27 (2011) 53 - 66.
- [9]. Hà Quang Năng, Nguyễn Văn Lợi, Lê Thị Lệ Thanh, Quách Thị Gấm, Trịnh Thị Thu Hiền, Hà Thị Quế Hương (2012), *Thuật ngữ học - Những vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Từ điển Bách khoa.
- [10]. Nguyễn Đức Tồn (2012), *Nghiên cứu, khảo sát thuật ngữ tiếng Việt phục vụ cho việc xây dựng luật ngôn ngữ ở Việt Nam*, Đề tài cấp Bộ, mã số: CT 11 - 13 - 02.
- [11]. Nhiều tác giả, *Từ điển tiếng Việt* (2003), NXB Đà Nẵng.
- [12]. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1996), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục.
- [13]. [http://tratu.soha.vn/dict/vn\\_vn/](http://tratu.soha.vn/dict/vn_vn/)

## NHỮNG CON ĐƯỜNG HÌNH THÀNH THUẬT NGỮ THỜI TRANG TRONG TIẾNG VIỆT

**Hoàng Thị Huệ<sup>a</sup>**

**Lê Thị Hương<sup>b</sup>**

<sup>a</sup> Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: [hoangthihue@dvttdt.edu.vn](mailto:hoangthihue@dvttdt.edu.vn)

<sup>b</sup> Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: [lethihuong@dvttdt.edu.vn](mailto:lethihuong@dvttdt.edu.vn)

Ngày nhận bài: 04/11/2021

Ngày phản biện: 09/11/2021

Ngày tác giả sửa: 10/11/2021

Ngày duyệt đăng: 15/11/2021

Ngày phát hành: 20/11/2021

*Dựa trên nguồn tư liệu khảo sát thực tế, bài viết tìm hiểu những con đường hình thành thuật ngữ thời trang trong tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thuật ngữ thời trang tiếng Việt được hình thành theo bốn con đường: Thuật ngữ hóa từ thông thường; tạo thuật ngữ mới dựa trên cơ sở ngữ liệu vốn có; vay mượn thuật ngữ nước ngoài; vay mượn thuật ngữ khoa học liên ngành. Bài viết đã tập trung tìm hiểu đặc điểm của từng con đường hình thành thuật ngữ, để thấy rằng những con đường này đã góp phần làm đa dạng và phong phú hệ thuật ngữ thời trang trong tiếng Việt.*

**Từ khóa:** Con đường hình thành thuật ngữ; Thuật ngữ thời trang; Tiếng Việt